

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/DS-ST
Ngày: 22-10-2018
V/v : Tranh chấp hợp đồng
góp hụi, vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa :
Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý **số: 151/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018** về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số 63/2018/QĐST-DS ngày 28/9/2018** giữa các đương sự:

- + Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1970, có mặt,
Địa chỉ: Tổ 01, ấp 2, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
- + Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1969, vắng mặt không có lý do,
Địa chỉ: Tổ 01, ấp 1, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-6-2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thu T trả số tiền là 54.000.000 đồng, gồm tiền vay và tiền hụi, không yêu cầu tính lãi suất.

- Về tiền vay: Vào ngày 15/8/2011 (âm lịch) chị T có vay 20.000.000 đồng để buôn bán làm ăn, hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thể chấp gì. Sau khi vay tiền chị T có trả tiền lãi suất nhưng không đầy đủ, có tháng trả đủ 600.000 đồng, có tháng trả thiếu, tổng cộng tôi nhận được khoảng 4-5 tháng nên cụ thể bao nhiêu tôi không biết.

- Về tiền hụi: Chị T tham gia 02 dây hụi.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai 15-01-2010, gồm 22 phần, chị T tham gia 02 phần, hốt hụi ngày 20-8-2010, chị T còn nợ lại 02 tháng là 4.000.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai 10-12-2010, gồm 30 phần, chị T tham gia 02 phần, hốt hụi ngày 10-9-2011, chị T còn nợ lại 19 tháng là 38.000.000 đồng.

Vào năm 2013 chị và chị T có tính toán tiền nợ thì chị T có ghi vào giấy tập nợ chị tổng cộng là 62.000.000 đồng gồm tiền nợ hụi 42.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền vay. Sau đó chị T tiếp tục trả nợ góp hàng tháng, mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, việc chị T hàng tháng trả nợ chị có ghi chép tiếp theo vào giấy nợ 62.000.000 đồng. Chị T trả nợ đến ngày 10-3-2015 thì ngưng trả nợ đến nay được 8.000.000 đồng, còn lại 54.000.000 đồng. Từ năm 2015 đến nay chị có đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng chị T hèn nhưng không trả nợ. Nay chị không tin tưởng nữa nên khởi kiện vụ án.

Tòa án có đến nơi cư trú (nhà) tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thị Thu T để thu thập chứng cứ và tổng đạt Thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, bà Phạm Thị Kim Dân phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, chị Nguyễn Thị Thu T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của chị D đối với chị T.

+ Về lãi suất: Ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về thời hiệu: Đối với vụ án này các bên đương sự không ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả số tiền số tiền hui và tiền vay là 54.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử đối chiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui, hợp đồng vay tài sản”.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị D yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả số tiền số tiền hui và tiền vay là 54.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Chị D cung cấp giấy tay có nội dung nhận nợ 62.000.000 đồng, giấy đăng hui, giấy hót hui, giấy mượn tiền để làm cơ sở khởi kiện.

Tòa án có đến nơi cư trú (nhà) tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thị Thu T để thu thập chứng cứ và tổng đạt Thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Anh Từ Phú C là chồng của chị T xác định vợ anh cư trú tại địa phương, anh có giao lại văn bản tố tụng cho chị Thủy, chị T có nợ tiền hui và tiền vay của chị Diễm là đúng, chị T bị bệnh nên không đến Tòa án tham gia tố tụng, để vợ chồng anh thỏa thuận với chị D rút đơn khởi kiện, nhiều lần anh C không ký tên khi được làm việc.

Từ những tình tiết, sự việc nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thực tế giữa chị D và chị T có xác lập hợp đồng góp hui, hợp đồng vay tài sản. Đến năm 2013 hai bên có tính toán nợ, chị T có viết sổ nợ 62.000.000 đồng gồm 42.000.000 đồng tiền hui và 20.000.000 đồng tiền vay vào sổ sách của chị T. Sau đó chị T có trả góp hàng tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, việc chị Thủy hàng tháng trả nợ chị D có ghi chép tiếp theo vào giấy nợ 62.000.000 đồng.

Qua xác minh nơi cư trú của chị T, Công an xã BĐ xác nhận chị T vẫn đang cư trú tại địa phương, Tòa án nhiều lần đến nơi cư trú tổng đạt các văn bản tố tụng không gặp trực tiếp chị T, có gặp chồng và con của chị T trình bày chị Thủy bị bệnh nên không đến Tòa án nhưng không cung cấp giấy tờ gì để chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T tham gia góp hui và vay tiền nhưng không trả đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị D. Hội đồng xét xử xét thấy chị T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không trực tiếp đến Tòa án tham gia

tổ tụng để bảo vệ cho yêu cầu, quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị T trả nợ số tiền hui và tiền vay cho chị D là có cơ sở theo quy định các Điều 7, 8 và 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27-11-2006 về họ, hui, biêu, phường, Điều 471, 474 và 479 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về lãi suất: Ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi suất.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 2.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 184, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các 471, 474 và 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 7, 8 và 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27-11-2006 về họ, hui, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D đối với chị Nguyễn Thị Thu T về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui, hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải trả cho chị D số tiền hui và tiền vay là 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

2. Án phí: Chị T phải chịu 2.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **1.350.000 đồng theo biên lai thu số 0013632** ngày 26-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (chị D) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (chị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Hiếu